BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **1953** /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện thí điểm Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại một số bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ văn bản của các bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đồng ý tham gia thí điểm Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tạm thời Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính (sau đây gọi là PAR Index) và phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện thí điểm PAR Index tại 3 Bộ và 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo Quyết định này.

Kinh phí cho việc triển khai thí điểm được hỗ trợ một phần từ Dự án hỗ trợ cải cách hành chính UNDP thuộc Bộ.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Cải cách hành chính, Giám đốc Dự án hỗ trợ cải cách hành chính - UNDP thuộc Bộ và 3 Bộ, 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- Các Vụ: Công chức - Viên chức; Tổ chức - Biên chế; Tiền lương;
- Dự án CCHC - UNDP;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-BNV ngày 08/ 12/ 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. MỤC TIÊU

Áp dụng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính (PAR Index) tại 03 bộ và 06 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để đánh giá và xếp hạng về kết quả thực hiện cải cách hành chính trong năm 2011 của các đơn vị này; thông qua thí điểm, phát hiện những vấn đề chưa phù hợp để tiếp tục hoàn thiện phục vụ cho việc mở rộng phạm vi thí điểm, tiến tới ban hành chính thức PAR Index để áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

II. YÊU CẦU

- Việc áp dụng PAR Index phải đảm bảo tính khách quan, minh bạch và công bằng.

- Các phương pháp tính toán, đo lường phải chính xác và đảm bảo tính khoa học.

- Các số liệu thống kê phải rõ ràng, nguồn thông tin thu thập có độ tin cậy và chính xác cao.

III. CÁC ĐƠN VỊ TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM

1. Các Bộ:

- Bộ Công thương;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Thái Bình;

- Vĩnh Phúc;

- Hà Tĩnh;

- Bà Rịa - Vũng Tàu;

- TP. Hải Phòng;

- TP. Cần Thơ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

IV. TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM

1. Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai việc thí điểm. Phối hợp chặt chẽ với Dự án hỗ trợ cải cách hành chính - UNDP thuộc Bộ trong triển khai;

- Tổ chức tập huấn nội dung, phương pháp tiến hành thí điểm cho các đơn vị được lựa chọn thí điểm;

- Thẩm định kế hoạch tổ chức thực hiện thí điểm của các bộ, tỉnh và phối hợp với Dự án CCHC-UNDP để lập dự toán kinh phí hỗ trợ thí điểm cho các bộ, tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các bộ, tỉnh thí điểm để tổ chức theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện thí điểm;

- Phối hợp với tổ chức tư vấn trúng thầu thực hiện công tác điều tra, khảo sát để thu thập thông tin cho PAR Index;

- Tổng hợp, xử lý số liệu từ kết quả báo cáo của các bộ, tỉnh và kết quả điều tra, khảo sát;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả triển khai thực hiện thí điểm tại 3 bộ và 6 tỉnh, thành phố;

- Chủ trì, phối hợp với Dự án hỗ trợ CCHC - UNDP và các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện thí điểm vào Quý II/2012;

- Trên cơ sở kết quả thí điểm, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện PAR Index trình lãnh đạo Bộ Nội vụ tiếp tục mở rộng thí điểm vào đầu Quý IV/2012.

1. Các bộ, tỉnh thí điểm

- Thành lập Tổ công tác thí điểm PAR Index là đầu mối của các bộ, tỉnh triển khai thí điểm và phối hợp với Bộ Nội vụ trong triển khai;

Tổ công tác thí điểm PAR Index ở các bộ có từ 06 - 08 thành viên:

+ 01 Lãnh đạo cấp Vụ: Tổ trưởng;

+ Các tổ viên gồm: 02 công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của Bộ; 03-05 đại diện của một số đơn vị thuộc Bộ (các Vụ, Cục, Tổng cục).

Tổ công tác thí điểm PAR Index ở các tỉnh, thành phố có từ 06 - 08 thành viên:

+ 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ: Tổ trưởng;

+ Các tổ viên gồm: 02 công chức phụ trách công tác cải cách hành chính tại Sở Nội vụ; 03-05 đại diện của một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện thí điểm PAR Index gửi Bộ Nội vụ thẩm định;

- Tuyển chọn và sử dụng chuyên gia tư vấn trong quá trình thu thập, xử lý thông tin và các số liệu thống kê, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính và báo cáo kết quả triển khai thí điểm của từng bộ, tỉnh;

- Tổ chức thu thập, tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin, số liệu thống kê theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

- Xây dựng báo cáo về kết quả thực hiện cải cách hành chính của bộ, tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thí điểm và những kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện Bộ chỉ số gửi Bộ Nội vụ.

3. Dự án Hỗ trợ CCHC-UNDP

- Phối hợp với Vụ Cải cách hành chính trong việc triển khai thí điểm;

- Lập dự toán kinh phí cho các hoạt động của Vụ Cải cách hành chính, các bộ, tỉnh được lựa chọn thí điểm, hướng dẫn triển khai và quyết toán theo quy định của Dự án.

4. Tổ chức tư vấn trúng thầu

Thực hiện việc điều tra, khảo sát, lấy ý kiến của các cá nhân, tổ chức theo quy định của Hợp đồng với Dự án hỗ trợ CCHC - UNDP.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

TT	Các nhiệm vụ	Cơ quan thực hiện		Thời gian
		Chủ trì	Phối hợp	
1.	Tổ chức tập huấn nội dung và phương pháp tiến hành thí điểm	Vụ CCHC	Dự án CCHC-UNDP, các đơn vị thí điểm	Tháng 12/2011
2.	Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện thí điểm	Các đơn vị thí điểm	Vụ CCHC, Dự án CCHC-UNDP	Tháng 12/2011
3.	Thẩm định kế hoạch thí điểm của các bộ và địa phương	Vụ CCHC	Các đơn vị thí điểm	Tháng 12/2011
4.	Lập dự toán kinh phí cho các hoạt động trong quá trình thí điểm	Dự án CCHC - UNDP	Vụ CCHC	Tháng 12/2011
5.	Thành lập Tổ công tác thí điểm PAR Index	Các đơn vị thí điểm		Tháng 12/2011
6.	Tuyển chọn, sử dụng chuyên gia tư vấn	Các đơn vị thí điểm	Dự án CCHC-UNDP, Vụ CCHC	Tháng 01/2012

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

7.	Tổ chức thực hiện theo kế hoạch thí điểm	Các đơn vị thí điểm	Vụ CCHC, Dự án CCHC-UNDP	Tháng 01-3/2012
8.	Tuyển chọn tổ chức tư vấn	Dự án CCHC - UNDP	Vụ CCHC	Trước 10/01/2012
9.	Tổ chức điều tra, khảo sát cá nhân, tổ chức về CCHC	Tổ chức tư vấn	Vụ CCHC	Từ 15/01 - 29/02/2012
10.	Kiểm tra, đôn đốc và theo dõi quá trình triển khai thực hiện thí điểm	Vụ CCHC	Dự án CCHC-UNDP, các đơn vị thí điểm, các Bộ có liên quan	Từ tháng 01 - 3/2012
11.	Gửi báo cáo kết quả thực hiện thí điểm về Bộ Nội vụ	Các đơn vị thí điểm		Trước ngày 10/3/2012
12.	Tổng hợp, xử lý số liệu và xây dựng báo cáo tổng hợp	Vụ CCHC	Dự án CCHC	Tháng 3/2012
13.	Tổ chức Hội nghị Sơ kết, đánh giá kết quả thí điểm	Vụ CCHC	Dự án CCHC-UNDP, các đơn vị thí điểm	Quý II/2012
14.	Tiếp tục hoàn thiện PAR Index trình lãnh đạo Bộ Nội vụ mở rộng phạm vi thí điểm	Vụ CCHC	Dự án CCHC-UNDP	Quý IV/2012

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-BNV ngày 08 /12/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Chỉ số (Điểm đánh giá /điểm tối đa) x100%	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**14**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	2,5				
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	1,5				
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2				
1.5	Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của Bộ	5				
2	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**10**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
2.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	5				
2.2	Công khai thủ tục hành chính	1				
2.3	Chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ	4				
3	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**16**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
3.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ	1				

www.LuatVietnam.vn

3.3	Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục)	3				
3.4	Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục)	2				
3.5	Phân cấp quản lý	3				
3.6	Đánh giá kết quả thực hiện quy chế làm việc của Bộ	3				
4	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**14**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
4.1	Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức	3				
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức	2				
4.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1,5				
4.4	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức	1,5				
4.5	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	6				
5	**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**12**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
5.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước *(theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)*	4				
5.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập *(theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)*	4				
5.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập *(theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 115/2005/NĐ-CP)*	4				
6	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**12**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
6.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ	10				

www.LuatVietnam.vn

6.2	Áp dụng ISO trong hoạt động	2				
7	**THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC**	**22**			Theo Thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
7.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành	2				
7.2	Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	3				
7.3	Kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành khác và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ	3				
7.4	Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	3				
7.5	Thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	5				
7.6	Đánh giá chất lượng thể chế, cơ chế chính sách và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của bộ	6				

www.Luatvietnam.vn

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THANG ĐIỂM CỦA BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-BNV ngày 08 /12/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Chỉ số (Điểm đánh giá /điểm tối đa) x100%	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**14**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
1.1	**Kế hoạch cải cách hành chính năm**	**2,5**				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Ban hành kịp thời = 0,5					
	Ban hành không kịp thời = 0					
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5			nt	
	Đầy đủ = 0,5					
	Không đầy đủ = 0					
1.1.3	Các kết quả phải đạt rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	0,5			nt	
	Đạt yêu cầu = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Không đạt yêu cầu = 0					
1.1.4	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch CCHC	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,7					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch) = 0,4					
	Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch = 0					
1.2	**Báo cáo cải cách hành chính**	**1,5**				
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đủ số lượng báo cáo = 0,5					
	Không đủ số lượng báo cáo = 0					
1.2.2	100% Báo cáo đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			nt	
	Đạt yêu cầu = 0,5					
	Không đạt yêu cầu = 0					
1.2.3	100% Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			nt	
	Đạt = 0,5					
	Không đạt = 0					
1.3	**Kiểm tra công tác cải cách hành chính**	**3**				
1.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục)	1			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Theo kế hoạch, kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ = 1					
	Theo kế hoạch, kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Không có kế hoạch hoặc theo kế hoạch, kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ= 0					
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			nt	
	Vượt kế hoạch = 1					
	Hoàn thành kế hoạch = 0,5					
	Không hoàn thành kế hoạch = 0					
1.3.3	Xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0					
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**2**				
1.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Có kế hoạch và kịp thời = 0,5					
	Không có kế hoạch = 0					
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1,5			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch =1,5					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,5					
	Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch = 0					
1.5	**Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của Bộ**	**5**				
1.5.1	Gắn việc triển khai nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân	1			nt	
	Có thực hiện=1					

www.LuatVietnam.vn

	Không thực hiện=0					
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1			nt	
	Có sáng kiến =1					
	Không có sáng kiến = 0					
1.5.3	Đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC của Bộ	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
2	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**10**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
2.1	**Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính**	**5**			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
2.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của bộ theo quy định của Chính phủ	0,5				
	Ban hành kịp thời và đầy đủ = 0,5					
	Ban hành không kịp thời hoặc không đầy đủ = 0					
2.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1				
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 50% - 80% kế hoạch = 0,5				nt	
	Hoàn thành dưới 50% kế hoạch = 0					
2.1.3	Xử lý các vấn đề đặt ra sau rà soát	2				
	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan theo thẩm quyền = 1					

www.LuatVietnam.vn

	Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ = 1					
2.1.4	Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1				
	Trên 80% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 1					
	Từ 50% - 80% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 0,5					
	Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 0					
2.1.5	Cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	0,5				
	Cập nhật, công bố đầy đủ và kịp thời những thay đổi của TTHC và các quy định có liên quan = 0,5					
	Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời = 0					
2.2	**Công khai thủ tục hành chính**	**1**			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
2.2.1	Niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	0,5				
	Có niêm yết công khai đầy đủ = 0,5					
	Niêm yết công khai không đầy đủ = 0					
2.2.2	Tỷ lệ số TTHC do bộ ban hành được công khai trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin của bộ	0,5				
	Đạt 100% số TTHC = 0,5					
	Dưới 100% số TTHC = 0					
2.3	**Chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ**	**4**				
2.3.1	Sự hài lòng của người dân về chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ	2			Điều tra, khảo sát	

www.LuatVietnam.vn

	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
2.3.2	Sự hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ	2			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
3	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**16**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
3.1	**Tuân thủ các quy định của Chính phủ**	**1**			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy =1					
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định =0					
3.2	**Chức năng, nhiệm vụ của Bộ**	**4**				
3.2.1	Mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của Bộ với các bộ khác	1			nt	
	Không chồng chéo với bộ khác =1					
	Còn chồng chéo với bộ khác =*0*					
3.2.2	Đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
3.3	**Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục)**	**3**			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
3.4	**Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục)**	**2**				
3.4.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Theo kế hoạch, kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ =0,5					
	Theo kế hoạch, kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ = 0,3					
	Không có kế hoạch hoặc theo kế hoạch, kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị thuộc bộ = 0					
3.4.2	Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			nt	
	Vượt kế hoạch = 1					
	Đạt kế hoạch = 0,5					
	Không hoàn thành kế hoạch = 0					
3.4.3	Xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra	0,5			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0					

www.LuatVietnam.vn

3.5	**Phân cấp quản lý**	**3**				
3.5.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1				
	Thực hiện đầy đủ các quy định = 1					
	Không thực hiện đầy đủ các quy định = 0					
3.5.2	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1				
	Có thực hiện = 1					
	Không thực hiện = 0					
3.5.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp qua kiểm tra	1				
	Xử lý các vấn đề phát hiện sau phân cấp = 1					
	Có đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phân cấp = 1					
3.6	**Đánh giá kết quả thực hiện quy chế làm việc của Bộ**	**3**			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
4	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**14**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
4.1	**Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức**	**3**			Bộ, ngành báo cáo và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
4.1.1	Tỷ lệ các cơ quan hành chính thuộc Bộ (vụ, cục, tổng cục) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Vượt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số cơ quan được phê duyệt cơ cấu công chức= 1					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số cơ quan được phê duyệt cơ cấu công chức = 0,5					
	Không đạt chỉ tiêu = 0					
4.1.2	Tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thuộc Bộ có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Vượt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số đơn vị có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt = 1					
	Đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số đơn vị có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt = 0,5					
	Không đạt chỉ tiêu = 0					
4.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Đạt trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,4					
	Đạt dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0					
4.2	**Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức**	**2**			nt	
4.2.1	Tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức tại khối cơ quan bộ	1				
	Đúng quy định = 1					
	Không đúng quy định = 0					
4.2.2	Tỷ lệ số cơ quan hành chính (Cục, Tổng cục và tương đương) thực hiện đúng quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức	1				
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,3					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
4.3	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức**	**1,5**			nt	
4.3.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm của bộ	0,5				
	Có kế hoạch =0,5					
	Không có kế hoạch = 0					
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của	1				
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,5					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,3					
	Hoàn thành dưới 50% kế hoạch = 0					
4.4	**Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức**	**1,5**			nt	
4.4.1	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh	0,5				
	Có thực hiện = 0,5					
	Không thực hiện = 0					
4.4.2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống	0,5				
	Có thực hiện =0,5					
	Không thực hiện = 0					
4.4.3	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	0,5				
	Có chính sách = 0,5					
	Không có chính sách = 0					
4.5	**Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**	**6**				
4.5.1	Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Kém: dưới 1,5 điểm					
4.5.2	Phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
5	**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**12**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
5.1	**Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước *(theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)***	**4**				
5.1.1	Tỷ lệ số cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện	0,5			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
5.1.3	Tỷ lệ cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm cơ sở chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 65% đến 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% đến dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới50% số cơ quan = 0					
5.1.4	Đánh giá tác động của cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính	2,5			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2 - 2,5 điểm					
	Khá: từ 1,6 - dưới 2 điểm					
	Trung bình: từ 1,2 - dưới 1,6 điểm					
	Kém: dưới 1,2 điểm					
5.2	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập *(theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)***	**4**				
5.2.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện	0,5			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số đơn vị= 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị= 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Đạt dưới 50% số đơn vị = 0					
5.2.2	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Đạt dưới 50% số đơn vị = 0					
5.2.3	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số đơn vị = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Đạt dưới 50% số đơn vị = 0					
5.2.4	Đánh giá tác động của cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2,5			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2 - 2,5 điểm					
	Khá: từ 1,6 - dưới 2 điểm					
	Trung bình: từ 1,2 - dưới 1,6 điểm					
	Kém: dưới 1,2 điểm					
5.3	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập *(theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 115/2005/NĐ-CP)***	**4**				
5.3.1	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động	0,5			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số tổ chức = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số tổ chức = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số tổ chức = 0,1					
	Đạt dưới 50% số tổ chức = 0					
5.3.2	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số tổ chức = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số tổ chức = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số tổ chức = 0,1					
	Đạt dưới 50% số tổ chức = 0					
5.3.3	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	0,5			nt	

www.LuatVietnam.vn

	Đạt trên 80% số tổ chức = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số tổ chức = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số tổ chức = 0,1					
	Đạt dưới 50% số tổ chức = 0					
5.3.4	Đánh giá tác động của cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ	2,5			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2 - 2,5 điểm					
	Khá: từ 1,6 - dưới 2 điểm					
	Trung bình: từ 1,2 - dưới 1,6 điểm					
	Kém: dưới 1,2 điểm					
6	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**12**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
6.1	**Ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ**	**10**				
6.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch) và đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	*1*			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Ban hành kịp thời và đầy đủ nội dung = 1					
	Ban hành không kịp thời hoặc không đầy đủ nội dung = 0					
6.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,7					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,4					
	Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch = 0					
6.1.3	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
6.1.4	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ, ngành sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
6.1.5	Sử dụng thư điện tử trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức	2			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
6.1.6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	100% số dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1, mức độ 2 = 0,5					
	Có từ 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 = 1					
	Có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 = 1					
6.1.7	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của bộ	2,5			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2 - 2,5 điểm					
	Khá: từ 1,6 - dưới 2 điểm					
	Trung bình: từ 1,2 - dưới 1,6 điểm					
	Kém: dưới 1,2 điểm					

www.LuatVietnam.vn

6.2	**Áp dụng ISO trong hoạt động**	**2**			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
6.2.1	Ban hành danh mục các quy trình áp dụng tiêu chuẩn ISO tại cơ quan	0,5				
	Có ban hành = 0,5					
	Không ban hành = 0					
6.2.2	Tỷ lệ số cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) được cấp chứng chỉ ISO	0,5				
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
6.2.3	Tỷ lệ các cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1				
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,4					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
7	**THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC**	**22**				Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
7.1	**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành**	**2**				
7.1.1	Thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của bộ đã được phê duyệt	1			Bộ báo cáo kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Hoàn thành 100% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch = 0					
7.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1			nt	
	Đúng quy định = 1					
	Không đúng quy định = 0					
7.2	**Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật**	**3**				
7.2.1	Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1			nt	
	Có kế hoạch = 1					
	Không có kế hoạch = 0					
7.2.2	Tỷ lệ số VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ được rà soát, hệ thống hoá	1			nt	
	Trên 80% số văn bản QPPL được rà soát , hệ thống hoá = 1					
	Từ 65% - 80% số VBQPPL được rà soát, hệ thống hoá = 0,7					
	Từ 50% - dưới 60% số VBQPPL được rà soát, hệ thống hoá = 0,4					
	Dưới 50% số văn bản QPPL được rà soát, đánh giá = 0					
7.2.3	Xử lý kết các vấn đề phát hiện sau rà soát	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện sau rà soát được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện sau rà soát được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 0					
7.3	**Kiểm tra VBQPPL do bộ, ngành khác và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ**	**3**				
7.3.1	Kế hoạch kiểm tra	1			nt	
	Có kế hoạch = 1					
	Không có kế hoạch = 0					
7.3.2	Tỷ lệ số văn bản QPPL do các bộ, ngành khác và địa phương ban hành thuộc phạm vi quản lý của bộ được kiểm tra	1			nt	
	Trên 80% số VBQPPL được kiểm tra = 1					
	Từ 65% - 80% số VBQPPL được kiểm tra = 0,7					
	Từ 50% - dưới 65% số VBQPPL được kiểm tra = 0,4					
	Dưới 50% số VBQPPL được kiểm tra = 0					

www.LuatVietnam.vn

7.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 0					
7.4	**Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ**	**3**			nt	
	Tổ chức các hội nghị triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật = 1,5					
	Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng = 1,5					
7.5	**Thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ**	**5**				
7.5.1	Ban hành kế hoạch thanh tra	1			nt	
	Có kế hoạch thanh tra của bộ = 1					
	Không có kế hoạch thanh tra = 0					
7.5.2	Tỷ lệ số cơ quan được thanh tra theo kế hoạch	2			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan trong kế hoạch = 2					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan trong kế hoạch = 1,5					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan trong kế hoạch = 1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan trong kế hoạch = 0					
7.5.3	Xử lý các vấn đề phát hiện sau thanh tra	2			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 2					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý = 0					
7.6	**Đánh giá chất lượng thể chế, cơ chế chính sách và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của bộ**	**6**				
7.6.1	Đánh giá chất lượng thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
7.6.2	Đánh giá việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

www.LuatVietnam.vn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1953 /QĐ-BNV ngày 08 /12/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Chỉ số (Điểm đánh giá /điểm tối đa) x100%	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**14**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	2,5				
1.2	Báo cáo cải cách hành chính	1,5				
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	3				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2				
1.5	Chỉ đạo, điều hành CCHC của địa phương	5				
2	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**9**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
2.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	6				
2.2	Công khai thủ tục hành chính	3				
3	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**14**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
3.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ	1				

www.LuatVietnam.vn

3.2	Chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	2,5				
3.3	Chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc UBND cấp huyện	2,5				
3.4	Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	3				
3.5	Phân cấp quản lý	3				
3.6	Đánh giá kết quả thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp tỉnh	2				
4	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**	**16**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
4.1	Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức	3				
4.2	Cán bộ, công chức cấp xã	3				
4.3	Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ công chức, viên chức	1				
4.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	1,5				
4.5	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức	1,5				
4.6	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	6				
5	**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**12**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
5.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước *(theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)*	2				
5.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập *(theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)*	2				
5.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập *(theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 115/2005/NĐ-CP)*	2				
5.4	Mức độ hài lòng của người dân về chất lượng cung cấp một số dịch vụ công cơ bản	6				

www.LuatVietnam.vn

6	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**12**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
6.1	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước	10				
6.2	Áp dụng ISO trong hoạt động	2				
7	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG**	**10**			Theo phụ lục thang điểm đánh giá	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
7.1	Xây dựng và ban hành các VBQPPL của địa phương	3,5				
7.2	Rà soát VBQPPL của địa phương	1,5				
7.3	Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại địa	5				
8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**13**			Theo thang điểm của Bộ chỉ số	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
8.1	Tỷ lệ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1,5				
8.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3,5				
8.3	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá	2				
8.4	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	6				

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

www.LuatVietnam.vn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THANG ĐIỂM CỦA BỘ CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-BNV ngày 08 /12/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Chỉ số (Điểm đánh giá /điểm tối đa) x100%	Phương pháp đánh giá	Cơ quan đánh giá
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**14**	**14**	**100**		Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
1.1	**Kế hoạch cải cách hành chính năm**	**2,5**				
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Ban hành kịp thời = 0,5					
	Ban hành không kịp thời = 0					
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5			nt	
	Đầy đủ nhiệm vụ và bố trí kinh phí = 0,5					
	Không đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí = 0					
1.1.3	Các kết quả phải đạt rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của các cơ quan, tổ chức	0,5			nt	

www.LuatVietnam.vn

	Đạt yêu cầu = 0,5					
	Không đạt yêu cầu = 0					
1.1.4	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch CCHC	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,7					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch) = 0,4					
	Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch = 0					
1.2	**Báo cáo cải cách hành chính**	**1,5**				
1.2.1	Số lượng báo cáo (02 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đủ số lượng báo cáo = 0,5					
	Không đủ số lượng báo cáo = 0					
1.2.2	100% Báo cáo đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			nt	
	Đạt yêu cầu = 0,5					
	Không đạt yêu cầu = 0					
1.2.3	100% Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			nt	
	Đạt = 0,5					
	Không đạt = 0					
1.3	**Kiểm tra công tác cải cách hành chính**	**3**				
1.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	

www.LuatVietnam.vn

	Theo kế hoạch, kiểm tra trên 30% số các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện = 1					
	Theo kế hoạch, kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện= 0,5					
	Không có kế hoạch hoặc theo kế hoạch, kiểm tra dưới 20% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện = 0					
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			nt	
	Vượt kế hoạch = 1					
	Hoàn thành kế hoạch = 0,5					
	Không hoàn thành kế hoạch = 0					
1.3.3	Xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0					
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**2**				
1.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC kịp thời (trong quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Có kế hoạch và kịp thời = 1					
	Không có kế hoạch = 0					
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,7					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,4					
	Hoàn thành dưới 50% kế hoạch = 0					

www.LuatVietnam.vn

1.5	**Chỉ đạo, điều hành CCHC của địa phương**	**5**				
1.5.1	Gắn việc triển khai nhiệm vụ CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân	1			nt	
	Có thực hiện = 1					
	Không thực hiện = 0					
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1			nt	
	Có sáng kiến = 1					
	Không có sáng kiến = 0					
1.5.3	Đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC của tỉnh	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
2	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**9**	**9**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
2.1	**Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính**	**6**				
2.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định của Chính phủ	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Ban hành kịp thời và đầy đủ = 1					
	Ban hành kế hoạch không kịp thời hoặc không đầy đủ = 0					
2.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					

www.LuatVietnam.vn

	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,7					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,4					
	Hoàn thành dưới 50% kế hoạch = 0					
2.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện sau khi rà soát	2			nt	
	Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan theo thẩm quyền = 1					
	Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ = 1					
2.1.4	Cập nhật, công bố thủ tục hành chính theo quy định của Trung ương	1			nt	
	Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời các TTHC và các quy định liên quan tại địa phương = 1					
	Cập nhật hoặc công bố không đầy đủ các TTHC và các quy định liên quan = 0					
2.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	1			nt	
	Trên 80% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 1					
	Từ 50% - 80% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 0,5					
	Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức được xử lý = 0					
2.2	**Công khai thủ tục hành chính**	**3**				
2.2.1	Tỷ lệ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 2					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,5					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
2.2.2	Tỷ lệ số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh	1			nt	
	Đạt trên 80% số TTHC = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số TTHC = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số TTHC = 0,4					
	Đạt dưới 50% số TTHC = 0					
3	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**	**14**	**14**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
3.1	**Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ**	**1**			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Thực hiện đầy đủ quy định về tổ chức bộ máy = 1					
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định = 0					
3.2	**Chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh**	**2,5**				
3.2.1	Mức độ chồng chéo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	0,5				
	Không chồng chéo giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh = 0,5					
	Còn chồng chéo giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh = 0					
3.2.2	Đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	2			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
3.3	**Chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc UBND cấp huyện**	**2,5**				
3.3.1	Mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các Phòng thuộc UBND cấp huyện	**0,5**				
	Không chồng chéo =0,5					
	Còn chồng chéo =0					
3.3.2	Đánh giá kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc UBND cấp huyện	2			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
3.4	**Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện**	**3**			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
3.4.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	1				
	Theo kế hoạch, kiểm tra trên 30% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện = 1					
	Theo kế hoạch, kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện = 0,5					
	Không có kế hoạch hoặc theo kế hoạch, kiểm tra dưới 20% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện = 0					
3.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1			nt	
	Vượt kế hoạch = 1					
	Hoàn thành kế hoạch = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Không hoàn thành kế hoạch = 0					
3.4.3	Xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0					
3.5	**Phân cấp quản lý**	**3**				
3.5.1	Tỷ lệ các quy định của Chính phủ về phân cấp được thực hiện ở địa phương	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	100% các quy định về phân cấp của Chính phủ được thực hiện ở địa phương = 1					
	Dưới 100% các quy định về phân cấp của Chính phủ được thực hiện ở địa phương = 0					
3.5.2	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp	1			nt	
	Có thực hiện = 1					
	Không thực hiện = 0					
3.5.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp sau kiểm tra	1				
	Xử lý các vấn đề phát hiện = 0,5					
	Có đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phân cấp = 0,5					
3.6	**Đánh giá kết quả thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp tỉnh**	**2**			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Kém: dưới 1 điểm					
4	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**	**16**	**16**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
4.1	**Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức**	**3**				
4.1.1	Tỷ lệ các cơ quan hành chính (Sở và tương đương, phòng và tương đương ở huyện) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Vượt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số cơ quan được phê duyệt cơ cấu công chức = 1					
	Đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số cơ quan được phê duyệt cơ cấu công chức = 0,5					
	Không đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số cơ quan được phê duyệt cơ cấu công chức chức = 0					
4.1.2	Tỷ lệ các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Vượt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số đơn vị được phê duyệt cơ cấu viên chức = 1					
	Đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số đơn vị được phê duyệt cơ cấu viên chức = 0,5					
	Không đạt chỉ tiêu mỗi năm có thêm 10% số đơn vị được phê duyệt cơ cấu viên chức = 0					
4.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1				
	Đạt trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,7					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0,4					
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt = 0					
4.2	**Cán bộ, công chức cấp xã**	**3**				
4.2.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Trên 50% công chức cấp xã đạt chuẩn = 1					
	Từ 30% - 50% công chức cấp xã đạt chuẩn = 0,5					
	Dưới 30% công chức cấp xã đạt chuẩn = 0					
4.2.2	Thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã	1			nt	
	Mỗi năm có thêm15% công chức cấp xã đạt chuẩn = 1					
	Mỗi năm có thêm 10% công chức cấp xã đạt chuẩn = 0,5					
	Mỗi năm có thêm 8% công chức cấp xã đạt chuẩn = 0					
4.2.3	Tỷ lệ số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1			nt	
	Trên 70% số cán bộ, công chức = 1					
	Từ 50% - 70% số cán bộ, công chức = 0,5					
	Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0					
4.3	**Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ công chức, viên chức**	**1**				
4.3.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công lập trong tỉnh thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	

www.LuatVietnam.vn

	Đạt trên 80% số cơ quan, đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan, đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan, đơn vị = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị = 0					
4.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan , đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan, đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan, đơn vị = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị = 0					
4.4	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức**	**1,5**				
4.4.1	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Có kế hoạch = 0,5					
	Không có kế hoạch = 0					
4.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh	1			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 1					
	Hoàn thành từ 50%-80% kế hoạch = 0,5					
	Dưới 50% kế hoạch = 0					
4.5	**Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức**	**1,5**				
4.5.1	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh	0,5			nt	
	Có thực hiện = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Không thực hiện = 0					
4.5.2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ Giám đốc sở và tương đương trở xuống	0,5			nt	
	Có thực hiện =0,5					
	Không thực hiện = 0					
4.5.3	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	0,5			nt	
	Có chính sách = 0,5					
	Không có chính sách = 0					
4.6	**Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**	**6**				
4.6.1	Trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
4.6.2	Phẩm chất, đạo đức của cán bộ, công chức	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
5	**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**	**12**	**12**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
5.1	**Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước** ***(theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)***	**2**				

www.LuatVietnam.vn

5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) triển khai thực hiện	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan =0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.1.3	Tỷ lệ cơ quan hành chính (tỉnh, huyện, xã) ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	1			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,4					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.2	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập** ***(theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP)***	**2**				

www.LuatVietnam.vn

5.2.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Dưới 50% số đơn vị = 0					
5.2.2	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Dưới 50% số đơn vị = 0					
5.2.3	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	1			nt	
	Đạt trên 80% số đơn vị = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số đơn vị = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số đơn vị = 0,1					
	Dưới 50% số đơn vị = 0					
5.3	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập *(theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 115/2005/NĐ-CP)***	**2**				

www.LuatVietnam.vn

5.3.1	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.3.2	Tỷ lệ % các tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.3.3	Tỷ lệ % các tổ chức khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	1			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,4					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
5.4	**Mức độ hài lòng của người dân về chất lượng cung cấp một số dịch vụ công cơ bản**	**6**				
5.4.1	Tỷ lệ người dân được hỏi hài lòng về chất lượng dịch vụ y tế công của địa phương	3			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
5.4.2	Tỷ lệ người dân được hỏi hài lòng về chất lượng dịch vụ giáo dục phổ thông của địa phương	3			nt	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
6	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**12**	**12**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
6.1	**Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước**	**10**				
6.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh kịp thời (trong quý IV của năm trước) và đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Ban hành kịp thời và đầy đủ nội dung = 0,5					
	Ban hành không kịp thời hoặc không đầy đủ nội dung = 0					
6.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh	0,5			nt	
	Hoàn thành trên 80% kế hoạch = 0,5					
	Hoàn thành từ 65% - 80% kế hoạch = 0,3					
	Hoàn thành từ 50% - dưới 65% kế hoạch = 0,1					
	Hoàn thành dưới 50% so với kế hoạch = 0					
6.1.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
6.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	0,5			nt	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,3					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,1					
	Đạt dưới 50% số cơ quan = 0					
6.1.5	Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc	2			Điều tra, khảo sát	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
6.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	100% số dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1, mức độ 2 = 0,5					
	Có 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 = 1					
	Có 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4 = 1					
6.1.7	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	0,5			nt	
	Trên 80% số cơ quan = 0,5					
	Từ 50% - 80% cơ quan = 0,3					

www.LuatVietnam.vn

	Dưới 50% số cơ quan = 0					
6.1.8	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của tỉnh	3			Điều tra khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
6.2	**Áp dụng ISO trong hoạt động**	**2**				
6.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ ISO	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,4					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
6.2.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1				
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,5					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,3					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
7	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG**	**10**	**10**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
7.1	**Xây dựng và ban hành các VBQPPL của địa phương**	**3,5**				

www.LuatVietnam.vn

7.1.1	Thực hiện đúng quy trình thủ tục quy định	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Thực hiện đúng = 0,5					
	Không thực hiện đúng = 0					
7.1.2	Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành	3			Điều tra khảo sát	
	Tốt: từ 2,4 -3 điểm					
	Khá: từ 2 - dưới 2,4 điểm					
	Trung bình: từ 1,5 - dưới 2 điểm					
	Kém: dưới 1,5 điểm					
7.2	**Rà soát VBQPPL của địa phương**	**1,5**				
7.2.1	Rà soát định kỳ	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Thực hiện đầy đủ theo kế hoạch = 0,5					
	Không thực hiện đầy đủ theo kế hoạch = 0					
7.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện	1			nt	
	Trên 80% các vấn đề phát hiện được xử lý = 1					
	Đạt từ 50% - 80% các vấn đề phát hiện được xử lý = 0,5					
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện được xử lý = 0					
7.3	**Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại địa phương**	**5**				

www.LuatVietnam.vn

7.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL tại địa phương	2			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Trên 80% số VBQPPL được địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 2					
	Từ 65% - 80% số VBQPPL được địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 1					
	Từ 50% - dưới 65% số VBQPPL được địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 0,5					
	Dưới 50% số VBQPPL được địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định = 0					
7.3.2	Kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL tại địa phương	2			nt	
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL trên địa bàn đạt trên 80% tổng số văn bản = 2					
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL trên địa bàn đạt từ 65%- 80% tổng số văn bản = 1					
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL trên địa bàn đạt từ 50%- dưới 65% tổng số văn bản = 0,5					
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL trên địa bàn đạt dưới 50% tổng số văn bản = 0					
7.3.3	Xử lý những vấn đề phát hiện	1			nt	
	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 1					
	Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0					

www.LuatVietnam.vn

8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**13**	**13**			Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan
8.1	**Tỷ lệ số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**	**1,5**				
8.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt 100% số cơ quan = 0,5					
	Dưới 100% số cơ quan = 0					
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông	0,5			nt	
	Đạt 100% số đơn vị = 0,5					
	Dưới 100% số đơn vị = 0					
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực	0,5			nt	
	Đạt 100% số đơn vị = 0,5					
	Dưới 100% số đơn vị = 0					
8.2	**Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông**	**3,5**				
8.2.1	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	1,5			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Trên 80% số lượng TTHC = 1,5					

www.LuatVietnam.vn

	Đạt từ 65% - 80% TTHC = 1					
	Đạt từ 50% - dưới 65% TTHC = 0,5					
	Dưới 50% TTHC = 0					
8.2.2	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	2			nt	
	Từ 15 thủ tục hành chính trở lên = 2					
	Từ 10 - 14 thủ tục hành chính = 1					
	Từ 5-9 thủ tục hành chính = 0,5					
	Dưới 5 thủ tục hành chính = 0					
8.3	**Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá**	**2**				
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	1			Báo cáo của địa phương và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	
	Đạt trên 80% số cơ quan = 1					
	Đạt từ 65% - 80% số cơ quan = 0,7					
	Đạt từ 50% - dưới 65% số cơ quan = 0,4					
	Dưới 50% số cơ quan = 0					
8.3.2	Tỷ lệ số huyện thực hiện mô hình một cửa hiện đại	1			nt	
	Trên 50% số huyện trở lên = 1					
	Từ 30% - 50% số huyện = 0,5					
	Dưới 30% số huyện = 0					
8.4	**Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**	**6**			Điều tra, khảo sát	
8.4.1	Nơi đón tiếp người dân, doanh nghiệp	2			nt	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					

www.LuatVietnam.vn

	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
8.4.2	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			nt	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					
8.4.3	Kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			nt	
	Tốt: từ 1,6 - 2 điểm					
	Khá: từ 1,3 - dưới 1,6 điểm					
	Trung bình: từ 1 - dưới 1,3 điểm					
	Kém: dưới 1 điểm					

www.LuatVietnam.vn

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh